

Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

PKF
Accountants &
business advisers

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH
Đường Trần Huy Liệu, Phường Trường Thi, TP Nam Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Ma Ngọc Yên	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên Hội đồng quản trị

Ban giám đốc

Ông Vũ Đình Tuấn	Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 11/10/2017
Ông Đậu Văn Long	Giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 11/10/2017
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 14/01/2016
Ông Nguyễn Đức Toán	Phó giám đốc	Nghỉ hưu từ ngày 01/06/2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phía Bắc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH
Đường Trần Huy Liệu, Phường Trường Thi, TP Nam Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Đậu Văn Long

Giám đốc

Nam Định, ngày 20 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh được lập ngày 20 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Ngày 14/09/2017, cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định đã thụ lý điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra tại Công ty theo quyết định khởi tố vụ án hình sự số 68 và đã ra quyết định khởi tố bị can, ra lệnh tạm giam đối với ông Ngô Trường Giang - nguyên Kế toán trưởng Công ty về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Vào cùng ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã phê chuẩn quyết định khởi tố bị can số 178/QĐ-KSĐT, Lệnh tạm giam số 100/QĐ-KSĐT đối với ông Ngô Trường Giang. Thiệt hại của Công ty liên quan đến vụ án trên được Công ty xác định và trình bày tại thuyết minh Báo cáo tài chính số 5.4 "Phải thu ngắn hạn khác". Các khoản thiệt hại này và nghĩa vụ của Công ty với các bên liên quan của vụ án có thể thay đổi khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra phán quyết cuối cùng. Báo cáo kết quả kinh doanh các năm 2015, 2016, 2017 của Công ty lập chưa bao gồm thiệt hại ước tính liên quan đến vụ án hình sự nêu trên.
- Như đã trình bày tại thuyết minh Báo cáo tài chính số 5.11 "Vay và nợ thuê tài chính": Số dư các khoản vay tại ngày 31/12/2016 do Ngân hàng thông báo là 21.398.061.401 VND, số Công ty trình bày là 11.976.061.401 VND, chênh lệch 9.422.000.000 VND; số dư các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2017 do Ngân hàng thông báo là 34.305.152.667 VND, số Công ty trình bày là 13.555.152.667 VND, chênh lệch 20.750.000.000 VND. Với các bằng chứng được cung cấp chúng tôi chưa thể xác định được nghĩa vụ nợ thực tế của Công ty với các ngân hàng. Nghĩa vụ nợ thực tế của Công ty sẽ được xác định khi Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành phán quyết cuối cùng.

- Như đã trình bày tại thuyết minh Báo cáo tài chính số 7.6 "Số liệu so sánh", Công ty chưa trình bày lại số liệu so sánh do xác định các thiệt hại liên quan đến vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản và phân loại lại các chỉ tiêu cho phù hợp với quy định quy định tại chuẩn mực kế toán số 29 "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót".
- Công trình đường ngang Km 109+292 đã được quyết toán ngày 30/12/2016, tính đến thời điểm 31/12/2017 Công ty chưa ghi nhận phần doanh thu còn lại với số tiền 1.695.630.909 VND và giá vốn tương ứng với số tiền 1.129.482.296 VND để xác định kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017. Nếu ghi nhận khoản doanh thu và giá vốn nói trên, sẽ làm cho lợi nhuận trước thuế năm 2017 tăng thêm 566.148.613 VND.
- Như đã trình bày tại thuyết minh Báo cáo tài chính số 5.9 "Chi phí phải trả" Theo thông báo của ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Nam Định, Tổng chi phí lãi vay và lãi tiền phạt cộng dồn tính đến 31/12/2017 Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh còn phải trả là 1.396.773.545 VND, số Công ty đang tạm trích vào chi phí trong năm là 1.169.239.565 VND, chênh lệch 227.533.980 VND.
- Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, tỷ lệ khoản công nợ phải thu mà chúng tôi không thu thập được bằng chứng xác nhận là 49,1% tương ứng với số tiền 36.715.079.505 VND (trong đó "các khoản phải thu khác" là 32.350.269.230 VND); Tỷ lệ các khoản công nợ phải trả (không bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn) mà chúng tôi không thu thập được bằng chứng xác nhận là 14% tương ứng với số tiền 7.508.598.257 VND. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác chúng tôi cũng không thể xác nhận được tính trung thực, hợp lý của các khoản công nợ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 7.5 "Thông tin về hoạt động liên tục", Công ty có các dấu hiệu dẫn tới sự nghi ngờ đáng kể về sự phù hợp của giả định hoạt động liên tục: Các khoản vay Ngân hàng của Công ty đã chuyển sang nhóm nợ quá hạn và Ngân hàng đã gửi thông báo cho Công ty về việc xử lý tài sản thế chấp, Công ty đang bị thiệt hại khoản tiền lớn liên quan đến vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, Ban Giám đốc khẳng định Công ty vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh do đặc thù ngành nghề của Công ty hoạt động chủ yếu là quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt. Hoạt động này được thực hiện thường xuyên hàng năm và được ký kết hợp đồng với Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, nên nguồn thu chính của Công ty được đảm bảo. Do đó Ban giám đốc Công ty tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được lập dựa trên giả định Công ty tiếp tục hoạt động là phù hợp.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính quốc tế. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ với cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ như sau: "Tại ngày 31/12/2016, Công ty đang trình bày khoản phải thu Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam tiền chênh lệch giá ray P50E4 với giá trị là 765.448.020 VND trên khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác", tuy nhiên tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán chúng tôi chưa có xác nhận của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về việc chấp nhận thanh toán số tiền này. Đồng thời, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế cần thiết. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về khoản công nợ phải thu Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam tiền chênh lệch giá ray P50E4 với số tiền là 765.448.020 VND và ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 08/01/2016 đến ngày 31/12/2016"



Phạm Tuấn Vũ

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2030-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Lê Viết Cường

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2478-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2017	01/01/2017
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		100.158.272.467	95.359.803.438
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.941.853.582	923.694.481
1. Tiền	111		6.941.853.582	923.694.481
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.838.567.458	67.722.722.382
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	41.862.585.373	56.061.899.377
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	492.846.174	652.311.174
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	33.430.565.161	11.008.511.831
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(947.429.250)	-
IV/ Hàng tồn kho	140	5.5	17.807.787.386	26.551.827.654
1. Hàng tồn kho	141		17.807.787.386	26.551.827.654
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		570.064.041	161.558.921
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		491.187.554	-
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.10	78.876.487	161.558.921
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.135.231.980	8.815.569.029
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		8.135.231.980	8.371.137.712
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	8.135.231.980	8.371.137.712
- Nguyên giá	222		17.859.709.083	16.959.709.083
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.724.477.103)	(8.588.571.371)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		-	444.431.317
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	444.431.317
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		108.293.504.447	104.175.372.467

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH
 Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2017	01/01/2017
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		92.968.864.609	87.476.971.692
I/ Nợ ngắn hạn	310		92.968.864.609	87.476.971.692
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.7	38.545.713.605	33.772.585.215
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.8	2.903.531.490	1.341.788.597
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	3.323.798.038	5.726.986.589
4. Phải trả người lao động	314		17.041.227.026	12.540.524.997
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.9	1.186.543.838	737.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	5.12	-	7.112.676.038
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	14.548.291.842	14.090.104.053
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	14.855.152.667	11.976.061.401
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		368.530.603	-
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		196.075.500	179.244.802
II/ Nợ dài hạn	330		-	-
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.324.639.838	16.698.400.775
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.14	15.324.639.838	16.698.400.775
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.099.000.000	15.099.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.099.000.000	15.099.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		159.940.077	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65.699.761	1.599.400.775
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		65.699.761	1.599.400.775
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		108.293.504.447	104.175.372.467



Đậu Văn Long
 Giám đốc

Nam Định, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Cẩm Chung
 Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Cẩm Chung
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiêu	Mã số	TM	Năm 2017	Đơn vị tính: VND	
				Từ 08/01/2016 đến	31/12/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	113.824.962.606	118.635.395.484	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		113.824.962.606	118.635.395.484	
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	101.240.422.526	108.038.232.023	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.584.540.080	10.597.163.461	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	6.371.583	32.963.665	
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.057.523.935	495.858.303	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.057.523.935	495.858.303	
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	10.179.608.896	7.494.139.329	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		353.778.832	2.640.129.494	
11. Thu nhập khác	31		9.239.493	-	
12. Chi phí khác	32	6.6	224.714.899	512.702.820	
13. Lợi nhuận khác	40		(215.475.406)	(512.702.820)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		138.303.426	2.127.426.674	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		72.603.665	528.025.899	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		65.699.761	1.599.400.775	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	44	1.059	
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.7	44	1.059	



Đậu Văn Long
Giám đốc

Nam Định, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Cẩm Chung
Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Cẩm Chung
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH
 Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017	Đơn vị tính: VND	
			Từ 08/01/2016 đến 31/12/2016	
I/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	133.731.271.776	111.429.451.685	
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(47.954.604.080)	(50.718.413.925)	
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(42.626.492.154)	(58.073.597.497)	
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(888.284.370)	(495.858.303)	
5. Thuế TNDN đã nộp	05	(488.025.899)	(441.379.731)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.471.401.767	4.985.589.089	
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(43.860.284.388)	(13.059.961.264)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.384.982.652	(6.374.169.946)	
II/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(990.000.000)	-	
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.371.583	32.963.665	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(983.628.417)	32.963.665	
III/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	19.814.152.667	26.199.061.401	
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.635.061.401)	(25.200.800.000)	
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(562.286.400)	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.616.804.866	998.261.401	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	6.018.159.101	(5.342.944.880)	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	923.694.481	6.266.639.361	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.941.853.582	923.694.481	



Đậu Văn Long
 Giám đốc
 Nam Định, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Cẩm Chung
 Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Cẩm Chung
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường Sắt Hà Ninh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600201572 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 30/07/2003, thay đổi lần thứ 8 ngày 18/10/2017.

Trụ sở chính của Công ty tại Đường Trần Huy Liệu, Phường Trường Thi, TP Nam Định.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 8 là 15.099.000.000 VND.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

- Quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình cầu, đường, cống, hạng mục khác thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình thủy lợi, công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và kết cấu thép chuyên ngành;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 14/09/2017, cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định đã thụ lý điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra tại Công ty theo quyết định khởi tố vụ án hình sự số 68 và đã ra quyết định khởi tố bị can, ra lệnh tạm giam đối với ông Ngô Trường Giang - nguyên Kế toán trưởng Công ty về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Vào cùng ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã phê chuẩn quyết định khởi tố bị can số 178/QĐ-KSĐT, Lệnh tạm giam số 100/QĐ-KSĐT đối với ông Ngô Trường Giang. Thiệt hại của Công ty liên quan đến vụ án trên được Công ty xác định và trình bày tại mục Thuyết minh Báo cáo tài chính số 5.4 "Phải thu ngắn hạn khác".

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH
Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.6 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.7 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

4.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.10 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu xây dựng

Đối với hợp đồng xây dựng với giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Tổng doanh thu của hợp đồng tính toán được một cách đáng tin cậy;
- Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng;
- Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy;
- Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán được một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.12 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH
Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.13 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2017</u> VND	<u>01/01/2017</u> VND
Tiền mặt	235.955.000	227.407.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.705.898.582	696.287.481
Cộng	<u><u>6.941.853.582</u></u>	<u><u>923.694.481</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.2 Phải thu của khách hàng

5.2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ban QLDA các công trình trọng điểm tỉnh Hà Nam	10.218.222.000	-	17.905.850.740	-
Tổng Công ty XD Công trình giao thông 1	2.997.764.000	(899.329.200)	10.553.183.650	-
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	11.488.439.006	-	13.885.314.528	-
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng	12.720.902.000	-	1.870.847.000	-
Phải thu các khách hàng khác	4.437.258.367	(48.100.050)	11.846.703.459	-
Cộng	<u>41.862.585.373</u>	<u>(947.429.250)</u>	<u>56.061.899.377</u>	<u>-</u>

5.2.2 Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	<u>31/12/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Thông tin tín hiệu đường sắt Hà Nội	-	-	1.885.768.974	-
Công ty CP Đường sắt Yên Lào	-	-	3.091.886.673	-
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	11.488.439.006	-	13.885.314.528	-
Công ty CP Đường sắt Quảng Bình	-	-	314.482.300	-
CN Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa - XN xây lắp công trình giao thông	-	-	206.250.000	-
Cộng	<u>11.488.439.006</u>	<u>-</u>	<u>19.383.702.475</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH tư vấn đầu tư XD và PTCông nghệ Thăng Long	-	-	120.000.000	-
Công ty Cổ phần Cọc bê tông đúc sẵn Thăng Long	297.015.000	-	370.000.000	-
Công ty Cổ phần kỹ thuật Bắc Sơn	-	-	70.000.000	-
Văn phòng luật sư Long Tâm	95.000.000	-	-	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	100.831.174	-	92.311.174	-
Cộng	492.846.174	-	652.311.174	-

5.4 Phải thu khác

5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về cổ phần hóa	325.760.487	-	6.897.661.000	-
Ký quỹ, ký cược	180.810.350	-	67.647.676	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	2.551.159.000	-	1.543.971.276	-
Kinh phí phục vụ nhận ray cũ của Ban QLDA khu vực 2	596.490.545	-	596.490.545	-
Kinh phí chênh lệch tiền ray P50E4 - Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	765.448.020	-	765.448.020	-
Kinh phí phải nộp XD hàng rào KCĐBAT năm 2010	-	-	1.053.306.091	-
Chi phí phục vụ vật tư thu hồi	885.061.634	-	27.415.223	-
Thiệt hại liên quan đến vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản (i)	27.759.652.513	-	-	-
Phải thu Ông Ngô Trường Giang tiền lãi vay	63.087.194	-	-	-
Phải thu khác.	303.095.418	-	56.572.000	-
Cộng	33.430.565.161	-	11.008.511.831	-

(i) Là khoản ước tính của Công ty về thiệt hại liên quan đến vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra tại Công ty theo quyết định khởi tố vụ án hình sự số 68 ngày 14/09/2017 phải thu của ông Ngô Trường Giang và các bên liên quan đến vụ án:

Tổng số tiền được chuyển từ tài khoản Công ty vào tài khoản cá nhân của ông Ngô Trường Giang và các tài khoản khác là 37.747.615.838 VND (trong năm 2016 là 17.095.347.838 VND, trong năm 2017 là 20.652.268.000 VND), số tiền ông Ngô Trường Giang đã trả nợ gốc và lãi vay Ngân hàng thay cho Công ty là 9.987.963.325 VND, sau khi bù trừ số còn phải thu của ông Giang là 27.759.652.513 VND. Công ty đang chờ phán quyết cuối cùng của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để có phương án xử lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.4.2 Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ban QLDA khu vực 2	596.490.545	-	596.490.545	-
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	765.448.020	-	765.448.020	-
Cộng	1.361.938.565	-	1.361.938.565	-

Nợ xấu

	31/12/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Ông Ngô Trường Giang và các bên liên quan đến vụ án lừa đảo, chiếm đoạt tài sản	27.759.652.513	381.110.000
Tổng Công ty XD Công trình giao thông 1	2.997.764.000	2.098.434.800
Công ty Cổ phần Thái Cường	14.000.100	7.000.050
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Đầu tư 120	283.200.000	242.100.000
Cộng	31.054.616.613	2.347.534.850

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.649.099.911	-	2.086.248.093	-
Công cụ, dụng cụ	146.115.011	-	194.661.601	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	16.012.572.464	-	24.270.917.960	-
Cộng	17.807.787.386	-	26.551.827.654	-

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
Công trình tuyến đường sắt thống nhất	9.908.891.876		413.550.647	
Công trình thi công ĐS ra cảng; các đường ngang - thuộc gói thầu CP1	2.820.711.756		7.399.390.392	
Công trình xây dựng đường ngang km 47+774	-		10.846.558.860	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các công trình khác	3.282.968.832		5.611.418.061	
Cộng	16.012.572.464		24.270.917.960	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH
 Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.6	Tặng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ							
Số dư tại 01/01/2017	12.248.575.723	125.000.000	4.143.923.615	376.255.200	65.954.545	16.959.709.083	900.000.000
Mua trong kỳ	-	900.000.000	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	12.248.575.723	1.025.000.000	4.143.923.615	376.255.200	65.954.545	17.859.709.083	
GIÁ TRỊ HAO MÒN							
Số dư tại 01/01/2017	5.379.050.885	59.726.027	2.933.353.143	173.105.709	43.335.607	8.588.571.371	1.135.905.732
Khấu hao trong kỳ	417.026.995	100.241.937	542.425.118	67.968.360	8.243.322	1.135.905.732	
Số dư tại 31/12/2017	5.796.077.880	159.967.964	3.475.778.261	241.074.069	51.578.929	9.724.477.103	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số dư tại 01/01/2017	6.869.524.838	65.273.973	1.210.570.472	203.149.491	22.618.938	8.371.137.712	
Số dư tại 31/12/2017	6.452.497.843	865.032.036	668.145.354	135.181.131	14.375.616	8.135.231.980	

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay : 6.577.968.175 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.7 Phải trả người bán

5.7.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty CP Đầu tư công trình Hà Nội	3.368.875.620	3.368.875.620	2.561.906.020	2.561.906.020
Công ty CP XNK Vật tư TB Đường Sắt	2.763.210.134	2.763.210.134	5.284.494.491	5.284.494.491
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.010.416.550	1.010.416.550	6.098.153.268	6.098.153.268
Công ty CP Thông tin tín hiệu Đường sắt Hà Nội	2.227.819.836	2.227.819.836	3.083.986.810	3.083.986.810
Công ty CP TM và Tư vấn Tân Cơ	8.891.872.000	8.891.872.000	5.056.060.470	5.056.060.470
Phải trả cho các đối tượng khác	20.283.519.465	20.283.519.465	11.687.984.156	11.687.984.156
Cộng	38.545.713.605	38.545.713.605	33.772.585.215	33.772.585.215

5.7.2 Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	1.438.588.000	1.438.588.000	2.167.341.001	2.167.341.001
Công ty CP Đường sắt Vĩnh Phú	35.753.997	35.753.997	547.607.539	547.607.539
Công ty CP Xe lửa Gia Lâm	-	-	297.818.655	297.818.655
XN vật tư và dịch vụ Thanh Hóa - Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	539.047.373	539.047.373	367.314.917	367.314.917
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.010.416.550	1.010.416.550	6.098.153.268	6.098.153.268
Công ty CP Thông tin tín hiệu Đường sắt Hà Nội	2.227.819.836	2.227.819.836	3.083.986.810	3.083.986.810
Công ty CP Đường sắt Hà Hải	10.753.000	10.753.000	5.690.000	5.690.000
Ga Ninh Bình - Chi nhánh khai thác đường sắt Hà Thanh	294.300.000	294.300.000	294.300.000	294.300.000
Công ty Cổ phần Đường sắt Nghệ Tĩnh	993.443.067	993.443.067	-	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	1.166.083.000	1.166.083.000	-	-
Cộng	7.716.204.823	7.716.204.823	12.862.212.190	12.862.212.190

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.8 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty CP Đầu tư công trình Hà Nội	487.636.893	487.636.893	1.138.412.000	1.138.412.000
Công ty TNHH Hoàn Hào	552.194.597	552.194.597	153.376.597	153.376.597
Ban QL các DA giao thông vốn nước ngoài tỉnh Ninh Bình	1.623.700.000	1.623.700.000	-	-
Các đối tượng khác	240.000.000	240.000.000	50.000.000	50.000.000
Cộng	2.903.531.490	2.903.531.490	1.341.788.597	1.341.788.597

5.9 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trích trước chi phí vật tư công trình Cầu Ngái	-	737.000.000
Trích trước chi phí công trình 21 đường ngang	17.304.273	-
Trích trước chi phí lãi vay phải trả (i)	1.169.239.565	-
Cộng	1.186.543.838	737.000.000

(i) Theo thông báo của ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Nam Định, Tổng chi phí lãi vay và lãi tiền phạt cộng dồn tính đến 31/12/2017 Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh còn phải trả là 1.396.773.545 VND, số Công ty đang tạm trích vào chi phí trong năm là 1.169.239.565 VND, chênh lệch 227.533.980 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH
Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu cuối kỳ VND	Số phải nộp cuối kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số phải thu đầu kỳ VND	Số phải nộp đầu kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.323.798.038	8.845.032.624	6.828.816.404	-	5.340.014.258
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.449.903	-	488.025.899	72.603.665	-	386.972.331
Thuế thu nhập cá nhân	50.426.584	-	186.918.644	298.050.981	161.558.921	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	104.973.000	104.973.000	-	-
Các loại thuế khác	-	-	8.181.500	8.181.500	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	80.161.594	80.161.594	-	-
Cộng	78.876.487	3.323.798.038	9.713.293.261	7.392.787.144	161.558.921	5.726.986.589

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.11 Vay và nợ thuế tài chính

5.11.1 Vay ngắn hạn

	31/12/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	14.855.152.667	14.855.152.667	19.814.152.667	16.935.061.401	11.976.061.401	11.976.061.401
Vay ngắn hạn ngân hàng	13.555.152.667	13.555.152.667	14.514.152.667	12.935.061.401	11.976.061.401	11.976.061.401
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Định (i)	10.510.948.402	10.510.948.402	11.469.948.402	12.935.061.401	11.976.061.401	11.976.061.401
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Nam Định (ii)	3.044.204.265	3.044.204.265	3.044.204.265	-	-	-
Vay các đối tượng khác	1.300.000.000	1.300.000.000	5.300.000.000	4.000.000.000	-	-
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.300.000.000	1.300.000.000	5.300.000.000	4.000.000.000	-	-
Cộng	14.855.152.667	14.855.152.667	19.814.152.667	16.935.061.401	11.976.061.401	11.976.061.401

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Định theo các Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần:

- Giới hạn tín dụng 30.000.000.000 VND;
- Thời hạn duy trì giới hạn tín dụng đến 30/10/2017; Thời hạn các khoản vay thông thường dưới 12 tháng kể từ ngày giải ngân;
- Lãi suất từ 8%/năm;
- Mục đích vay: phục vụ thi công công trình quản lý bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt năm 2017;
- Biện pháp bảo đảm:
Thế chấp máy móc thiết bị bảo dưỡng đường sắt theo Hợp đồng thế chấp động sản số TC 4600171 ngày 13/09/2013;
Thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng đặt hàng số 06/2017/HĐ-QLBĐTX ngày 30/12/2016 theo Hợp đồng thế chấp số TC1785005 ngày 17/03/2017.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Nam Định theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD340201700358 ngày 19/06/2017:

- Hạn mức tín dụng 5.400.000.000 VND;
- Thời hạn hiệu lực hạn mức tín dụng đến 18/06/2018; Thời hạn các khoản vay thông thường dưới 12 tháng kể từ ngày giải ngân;
- Lãi suất từ 7,5%/năm trong 03 tháng đầu, sau đó điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Biện pháp bảo đảm:
Thế chấp tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số T00358A/2017/HĐTC/CNNamDinh ngày 19/06/2017;
Thế chấp 03 xe ô tô theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 00358B/2017/HĐTC/CNNamDinh ngày 19/06/2017.

Số dư, phát sinh tăng, giảm các khoản vay nêu trên là số do Công ty tự xác định là số thực tế vay, trả nợ vay và còn phải trả. Nghĩa vụ nợ của Công ty với ngân hàng có thể thay đổi theo phán quyết của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ông Ngô Trường Giang.

Theo thông báo số dư tài khoản tiền vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Định, số dư tại thời điểm 31/12/2016 của Công ty là 21.398.061.401 VND, chênh lệch lớn hơn so với số Công ty tự xác định là 9.422.000.000 VND.

Theo thông báo số dư tài khoản tiền vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Định, số dư tại thời điểm 31/12/2017 của Công ty là 28.910.948.402 VND, chênh lệch lớn hơn so với số Công ty tự xác định là 18.400.000.000 VND.

Theo thông báo số dư tài khoản tiền vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Nam Định, số dư tại thời điểm 31/12/2017 của Công ty là 5.394.204.265 VND, chênh lệch lớn hơn so với số Công ty tự xác định là 2.350.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.12 Phải trả nội bộ

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	-	7.112.676.038	7.112.676.038
Cộng	-	-	7.112.676.038	7.112.676.038

5.13 Phải trả khác

5.13.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Kinh phí công đoàn	353.936.104	353.936.104	147.479.104	147.479.104
Bảo hiểm xã hội	1.077.039.872	1.077.039.872	547.566.233	547.566.233
Bảo hiểm y tế	292.470.366	292.470.366	26.993.050	26.993.050
Bảo hiểm thất nghiệp	40.307.968	40.307.968	15.114.698	15.114.698
Phải trả về cổ phần hóa	-	-	7.319.546.715	7.319.546.715
Nhận ký quỹ, ký cược ng	-	-	-	-
Chênh lệch giá bán vật tư thu hồi	1.406.975.349	1.406.975.349	1.406.975.349	1.406.975.349
Phải trả Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	9.470.375.485	9.470.375.485	-	-
Phải trả khác	1.907.186.698	1.907.186.698	4.626.428.904	4.626.428.904
Cộng	14.548.291.842	14.548.291.842	14.090.104.053	14.090.104.053

5.13.2 Phải trả ngắn hạn khác của các bên liên quan

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	9.470.375.485	9.470.375.485	-	-
Cộng	9.470.375.485	9.470.375.485	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH
 Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.14 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 08/01/2016	15.099.000.000	-	-	15.099.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	1.599.400.775	1.599.400.775
Số dư tại 31/12/2016	15.099.000.000	-	1.599.400.775	16.698.400.775
Số dư tại 01/01/2017	15.099.000.000	-	1.599.400.775	16.698.400.775
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	65.699.761	65.699.761
Phân phối lợi nhuận (i)	-	159.940.077	(1.599.400.775)	(1.439.460.698)
Số dư tại 31/12/2017	15.099.000.000	159.940.077	65.699.761	15.324.639.838

((i) Trong kỳ, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 267/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2017:

	Phân phối lợi nhuận năm 2016 VND
Trích quỹ đầu tư phát triển	159.940.077
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	231.540.698
Chia cổ tức	1.207.920.000
Tổng	1.599.400.775

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017			01/01/2017		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	770.049	7.700.490.000	51%	770.049	7.700.490.000	51%
Vốn góp của cổ đông khác	739.851	7.398.510.000	49%	739.851	7.398.510.000	49%
Cộng	1.509.900	15.099.000.000	100%	1.509.900	15.099.000.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Từ 08/01/2016 đến	
	Năm 2017 VND	31/12/2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	15.099.000.000	15.099.000.000
Vốn góp cuối năm	15.099.000.000	15.099.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.207.920.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Cổ phiếu

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.509.900	1.509.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.509.900	1.509.900
Cổ phiếu phổ thông	1.509.900	1.509.900
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.509.900	1.509.900
Cổ phiếu phổ thông	1.509.900	1.509.900
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2017	Từ 08/01/2016 đến
	<i>VND</i>	31/12/2016
		<i>VND</i>
Doanh thu hoạt động sửa chữa thường xuyên KCHTĐS	84.536.230.410	96.567.297.690
Doanh thu hoạt động khác	29.288.732.196	22.068.097.794
Cộng	113.824.962.606	118.635.395.484

6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2017	Từ 08/01/2016 đến
	<i>VND</i>	31/12/2016
		<i>VND</i>
Ban QLDA Đường sắt KV1	221.611.818	-
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	95.685.603.324	98.125.932.235
Công ty CP Thông tin tín hiệu Đường sắt Hà Nội	(1.390.547.273)	1.390.547.273
Công ty CP Đường sắt Quảng Bình	-	285.893.000
Chi nhánh Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa - XN Xây lắp công trình giao thông	450.000.000	187.500.000
Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào	48.603.185	-
Cộng	95.015.271.054	99.989.872.507

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH
 Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 08/01/2016 đến	
	Năm 2017	31/12/2016
	VND	VND
Giá vốn hoạt động sửa chữa thường xuyên KCHTĐS	72.883.857.977	86.793.029.087
Giá vốn hoạt động khác	28.356.564.549	21.245.202.936
Cộng	101.240.422.526	108.038.232.023

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 08/01/2016 đến	
	Năm 2017	31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.371.583	32.963.665
Cộng	6.371.583	32.963.665

6.4 Chi phí tài chính

	Từ 08/01/2016 đến	
	Năm 2017	31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.057.523.935	495.858.303
Cộng	2.057.523.935	495.858.303

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 08/01/2016 đến	
	Năm 2017	31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.647.776.077	5.098.000.000
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.531.832.819	2.396.139.329
Cộng	10.179.608.896	7.494.139.329

6.6 Chi phí khác

	Từ 08/01/2016 đến	
	Năm 2017	31/12/2016
	VND	VND
Tiền chậm nộp thuế	44.989.594	129.041.059
Tiền chậm nộp bảo hiểm	175.994.827	94.409.022
Các khoản khác	3.730.478	289.252.739
Cộng	224.714.899	512.702.820

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.7 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ 08/01/2016 đến	
	Năm 2017	31/12/2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	138.303.426	2.127.426.674
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	224.714.899	512.702.820
Các khoản điều chỉnh tăng	224.714.899	512.702.820
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	<i>224.714.899</i>	<i>512.702.820</i>
Thu nhập tính thuế TNDN	363.018.325	2.640.129.494
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	72.603.665	528.025.899

6.8 Lãi trên cổ phiếu

6.8.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 08/01/2016 đến	
	Năm 2017	31/12/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	65.699.761	1.599.400.775
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	65.699.761	1.599.400.775
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.509.900	1.509.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	44	1.059

6.8.2 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 08/01/2016 đến	
	Năm 2017	31/12/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	65.699.761	1.599.400.775
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	65.699.761	1.599.400.775
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.509.900	1.509.900
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	44	1.059

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 08/01/2016 đến 31/12/2016	
	Năm 2017 VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.468.145.400	29.077.864.346
Chi phí nhân công	58.521.984.057	56.803.662.339
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.135.906.732	1.131.886.016
Chi phí dự phòng	947.429.250	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.833.993.341	9.587.608.003
Chi phí khác bằng tiền	5.936.275.169	10.638.455.196
Cộng	112.843.733.949	107.239.475.900

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

7.3 Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.941.853.582	-	923.694.481	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	75.293.150.534	(947.429.250)	67.070.411.208	-
	82.235.004.116	(947.429.250)	67.994.105.689	-

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	14.855.152.667	11.976.061.401
Phải trả người bán và phải trả khác	53.094.005.447	47.862.689.268
Chi phí phải trả	1.186.543.838	737.000.000
	69.135.701.952	60.575.750.669

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi lãi suất, giá hàng hóa và giá cổ phiếu.

Rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất của thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.941.853.582	-	-	6.941.853.582
Phải thu khách hàng và phải thu khác	74.345.721.284	-	-	74.345.721.284
Đầu tư tài chính	-	-	-	-
Cộng	81.287.574.866	-	-	81.287.574.866
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	923.694.481	-	-	923.694.481
Phải thu khách hàng và phải thu khác	67.070.411.208	-	-	67.070.411.208
Cộng	67.994.105.689	-	-	67.994.105.689

Công ty xây dựng chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	14.855.152.667	-	-	14.855.152.667
Phải trả người bán và phải trả khác	53.094.005.447	-	-	53.094.005.447
Chi phí phải trả	1.186.543.838	-	-	1.186.543.838
Cộng	69.135.701.952	-	-	69.135.701.952
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	11.976.061.401	-	-	11.976.061.401
Phải trả người bán và phải trả khác	47.862.689.268	-	-	47.862.689.268
Chi phí phải trả	737.000.000	-	-	737.000.000
Cộng	60.575.750.669	-	-	60.575.750.669

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

7.4 Thông tin về các bên liên quan

7.4.1 Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty CP Đường sắt Hà Hải	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam
Công ty CP Đường sắt Quảng Bình	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam
Công ty CP Đường sắt Vinh Phú	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam
Công ty CP Đường sắt Yên Lào	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam
Công ty CP Đường sắt Nghệ Tĩnh	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam
Công ty CP Thông tin tín hiệu Đường sắt Hà Nội	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam
Công ty CP Xe lửa Gia Lâm	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam
Ban QLDA Đường sắt KV1	Đơn vị sự nghiệp thuộc TCT
CN Khai thác Đường sắt Hà Thanh	Chi nhánh thuộc TCT Đường sắt Việt Nam

7.4.2 Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017
	VND
Ban QLDA Đường sắt KV1	
Thu tiền công nợ	243.773.000
Công ty CP Thông tin tín hiệu Đường sắt Hà Nội	
Thanh toán công nợ	500.000.000
Công ty CP Đường sắt Quảng Bình	
Thu tiền cung cấp vật tư	314.482.300
Chi phí thầu phụ	1.060.075.455
Công ty CP Đường sắt Yên Lào	
Thu tiền công trình CP3	2.691.046.384
Thu tiền công trình khắc phục bảo lữ	53.463.504
Chi phí vật tư thi công	95.539.735
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	
Thu tiền công nợ	107.577.435.979
Thanh toán tiền Ray	6.098.153.268
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	
Thu tiền công nợ	150.000.000
Thanh toán tiền thuê máy	2.167.341.000
Chi phí máy bảo trì	1.808.943.636
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	
Chi phí kiểm tra chất lượng	4.602.727
Công ty CP Đường sắt Nghệ Tĩnh	
Chi phí thầu phụ	903.130.061
Công ty CP Đường sắt Vinh Phú	
Thanh toán tiền thuê máy	1.258.013.176
Chi phí mua vật tư	678.326.940
Công ty CP Xe lửa Gia Lâm	
Thanh toán công nợ	297.818.655

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

Đường Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt:

Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc và trường ban kiểm soát

1.105.247.156

7.4.3 Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên.

7.5 Thông tin về hoạt động liên tục

Các khoản vay Ngân hàng của Công ty đã chuyển sang nhóm nợ quá hạn và Ngân hàng đã gửi thông báo cho Công ty về việc xử lý tài sản thế chấp, Công ty đang bị thiệt hại khoản tiền lớn liên quan đến vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, Ban Giám đốc khẳng định Công ty vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh do đặc thù ngành nghề của Công ty hoạt động chủ yếu là quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt. Hoạt động này được thực hiện thường xuyên hàng năm và được ký kết hợp đồng với Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, nên nguồn thu chính của Công ty được đảm bảo. Do đó Ban giám đốc Công ty tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được lập dựa trên giả định Công ty tiếp tục hoạt động là phù hợp.

7.6 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính quốc tế. Một số chỉ tiêu cần được trình bày lại do ghi nhận các thiệt hại liên quan đến vụ án ông Ngô Trường Giang lừa đảo chiếm đoạt tài sản và phân loại lại các chỉ tiêu cho phù hợp với quy định hiện hành, Công ty chưa thực hiện trình bày lại, cụ thể:

TT	Khoản mục	Mã số	Số dư tại 31/12/2016 theo BCKiT năm 2016	Số cần được trình bày lại	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán					
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	56.061.899.377	51.561.899.377	(4.500.000.000)
2	Phải thu ngắn hạn khác	136	11.008.511.831	21.809.995.669	10.801.483.838
3	Hàng tồn kho	141	26.551.827.654	14.447.766.253	(12.104.061.401)
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.726.986.589	5.725.944.289	(1.042.300)
5	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	7.112.676.038	-	(7.112.676.038)
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	14.090.104.053	16.705.414.028	2.615.309.975
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	11.976.061.401	10.676.061.401	(1.300.000.000)
8	LNST chưa phân phối kỳ này	421b	1.599.400.775	1.595.231.575	(4.169.200)



Đậu Văn Long
Giám đốc

Nam Định, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Cẩm Chung
Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Cẩm Chung
Người lập biểu